

Phụ lục 1
DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC THUỘC PHẠM
VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI
(Kèm theo Quyết định số 1070/QĐ-TTPVHCC ngày 16 tháng 7 năm 2025
của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội)

STT	MÃ SỐ TTHC	Tên Quy trình	Ký hiệu
A		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH	
1.	1.004232	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm	QT-01.T
2.	1.004228	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm	QT-02.T
3.	1.012500	Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	QT-03.T
4.	1.012505	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền	QT-04.T
5.	2.001850	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện	QT-05.T
6.	1.004179	Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 và các trường hợp quy định tại điểm c, d, đ, e khoản 4 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025)	QT-06.T
7.	1.004167	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt, nước biển	QT-07.T
8.	1.004223	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm	QT-08.T
9.	1.004211	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm	QT-09.T
10.	2.001770	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành	QT-10.T
11.	1.009669	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành	QT-11.T
12.	1.004283	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	QT-12.T
13.	1.004122	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	QT-13.T
14.	2.001738	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	QT-14.T

STT	MÃ SỐ TTHC	Tên Quy trình	Ký hiệu
15.	1.012501	Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	QT-15.T
16.	1.004253	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	QT-16.T
17.	1.000824	Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	QT-17.T
18.	1.011518	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	QT-18.T
19.	1.012498	Chấp thuận nội dung về phương án chuyển nước	QT-19.T
20.	1.012503	Lấy ý kiến về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất	QT-20.T
21.	1.012504	Lấy ý kiến về kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất	QT-21.T
22.	1.012502	Đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, muong, rạch	QT-22.T
23.	1.011516	Đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển	QT-23.T
24.		Lấy ý kiến đối với công trình khai thác nguồn nước	QT-24.S
B		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ	
1.	1.001662	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất	QT-01.X